

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

MÃ NGÀNH: 7720301

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 933/QĐ-NTT ngày 03 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Nursing

+ Tên tiếng Việt: Điều dưỡng

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khóa học áp dụng: từ khóa 2021

Thời gian đào tạo (dự kiến): 4 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Bằng Cử nhân ngành Điều dưỡng

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Nursing

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Điều dưỡng

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 4, 300A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp.HCM

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 (Số nội bộ: 327)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

➤ Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021 theo tổ hợp môn.

➤ Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:

○ Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên
(được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)

○ Tổng ĐTB 5 HK: ĐTB_HK1 lớp 10+ ĐTB_HK2 lớp 10+ ĐTB_HK1 lớp 11+
ĐTB_HK2 lớp 11+ ĐTB_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.

- Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
- Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
- Phương thức 3: Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM từ 550 điểm trở lên.
- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.

3. Các điều kiện tốt nghiệp: Theo Quyết định số 882/QĐ-NTT ngày 29/07/2021 về việc công bố chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với các ngành đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

4. Thang điểm

- Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10
- Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây:

+ Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B: từ 7,0 đến 8,4;

C: từ 5,5 đến 6,9;

D: từ 4,0 đến 5,4.

+ Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

+ Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

- Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

- Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

II. NĂNG LỰC CẦN ĐẠT CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP, MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes - GAs)

- GA1: Kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe
- GA2: Kỹ năng quản lý công tác chăm sóc sức khỏe;
- GA3: Kỹ năng hành nghề theo pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Programme Educational Objectives – PEOs)

- **PEO1:** Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn;
- **PEO2:** Có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn vững chắc;
- **PEO3:** Có năng lực và kỹ năng thực hành nghề thành thạo theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng;
- **PEO4:** Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng;
- **PEO5:** Có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên; có sức khỏe nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. Kết quả học tập mong đợi /Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes - ELOs)

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Điều dưỡng có:

Kiến thức:

ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề;

ELO2 (K2): Vận dụng được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;

ELO3 (K3): Trình bày lại các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh; lấy bệnh nhân và gia đình người bệnh làm trung tâm;

ELO4 (K4): Vận dụng sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Kỹ năng

ELO5 (S1): Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.

ELO6 (S2): Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau

ELO7 (S3): Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc tạo sự an toàn khi chăm sóc người bệnh, tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình;

ELO8 (S4): Sử dụng nguồn tài nguyên thích hợp, cải tiến chất lượng dựa vào bằng chứng và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc

Thái độ

ELO9 (A1): Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội

ELO10 (A2): Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (*program ideas*)

- Đổi mới chương trình phải dựa trên cơ sở khoa học, y học chứng cứ và thực tiễn trong giáo dục y khoa của các nước tiên tiến...
- Đảm bảo cơ sở vật chất và các điều kiện dạy học là điều kiện quan trọng không thể thiếu, đảm bảo chất lượng dạy và học theo chương trình đổi mới.
- Nội dung của chương trình đào tạo đổi mới theo hướng ứng dụng thực hành:
 - + Tăng cường thời gian sinh viên thực tập tại cơ sở bệnh viện.
 - + Dạy và học theo nguyên tắc tích hợp hệ thống.
 - + Sinh viên được tiếp xúc với vấn đề sức khỏe, bệnh tật, bệnh nhân và cơ sở y tế sớm, ngay từ học kỳ đầu tiên.
 - + Tăng cường giáo dục về thái độ, đạo đức nghề nghiệp.
 - + Tăng cường cập nhật kiến thức mới, hiện đại, song song với việc tránh trùng lặp chương trình giảng dạy.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
KỸ NĂNG THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	Vật lý đại cương và lý sinh	32 môn lý thuyết	71 tín chỉ	CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 45.8% CTĐT Tiếng Nhật: 44.9%
	Hoá đại cương			
	Sinh học di truyền			
	Vật lý đại cương và lý sinh			
	Giải phẫu			
	Sinh lý			
	Sinh lý bệnh – miễn dịch			
	Hoá sinh			
	Vi sinh – ký sinh trùng			
	Dược lý điều dưỡng			
	Điều dưỡng cơ bản 1			
	Điều dưỡng cơ bản 2			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2			
	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1			
	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1			
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1			
	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực			
	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2			
	Chăm sóc sức khỏe tâm thần			
	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1			
	Dinh dưỡng - tiết chế			
	Sức khỏe và môi trường			
	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng			
	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Chăm sóc phục hồi chức năng			
	Kỹ năng giao tiếp			
	Tâm lý y học – Y đức			
	Y học cổ truyền			
	Sức khỏe và môi trường			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1-TH	8 Môn thực hành	16 tín chỉ	CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 10.3%
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2-TH			
	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1-TH			CTĐT Tiếng Nhật: 10.1%
	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1-TH			
	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2-TH			
KỸ NĂNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	6 môn lý thuyết	16 tín chỉ	CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 10.3%
	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng			
	Dịch tễ			
	Sức khỏe và môi trường			CTĐT Tiếng Nhật: 10.1%
	Điều dưỡng cơ bản 1			
	Điều dưỡng cơ bản 2			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1-TH	8 môn thực hành	16 tín chỉ	CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 10.3%
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1-TH			CTĐT Tiếng
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2-TH			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1-TH			Nhật: 10.1%
	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1-TH			
	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2-TH			
KỸ NĂNG HÀNH NGHỀ THEO PHÁP LUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	Khởi nghiệp	CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 14 môn lý thuyết	CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 46 tín chỉ	CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 29.7%
	Nhập môn ngành Điều dưỡng			
	Ngoại ngữ cơ bản (6 cấp độ)			
	Tin học MOS 1			
	Tin học MOS 2			
	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng			
	Ngoại ngữ chuyên ngành			
	Triết học Mác - Lê nin	CTĐT Tiếng Nhật: 15 môn lý thuyết	CTĐT Tiếng Nhật: 49 tín chỉ	CTĐT Tiếng Nhật: 31.01%
	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin			
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học			
	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh			
	Pháp luật đại cương			
	Tâm lý y học – Y đức			

Trong đó:

❖ Ngoại ngữ cơ bản (6 cấp độ)

Đối với CTĐT Tiếng Anh

- Tiếng Anh tổng quát 1
- Tiếng Anh tổng quát 2
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4

Đối với CTĐT Tiếng Đức

- Tiếng Đức 1
- Tiếng Đức 2
- Tiếng Đức 3
- Tiếng Đức 4

- Tiếng Đức 5
- Tiếng Đức 6
- Đối với CTĐT Tiếng Nhật*
- Tiếng Nhật_Điều dưỡng 1
- Tiếng Nhật_Điều dưỡng 2
- Tiếng Nhật_Điều dưỡng 3
- Tiếng Nhật_Điều dưỡng 4
- Tiếng Nhật_Điều dưỡng 5
- Tiếng Nhật_Điều dưỡng 6

❖ **Ngoại ngữ chuyên ngành**

Đối với CTĐT Tiếng Anh: Anh văn chuyên ngành

Đối với CTĐT Tiếng Đức: Tiếng Đức chuyên ngành Điều dưỡng

Đối với CTĐT Tiếng Nhật: Tiếng Nhật chuyên ngành Điều dưỡng 1, Tiếng Nhật chuyên ngành Điều dưỡng 2

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: (Chưa bao gồm GDTC, GDQP)

- Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 155 tín chỉ
- Đối với CTĐT Tiếng Nhật: 158 tín chỉ

Trong đó:

Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức

- Kiến thức đại cương	: 47 tín chỉ	Tỉ lệ: 30,3 %
- Kiến thức chuyên nghiệp	: 96 tín chỉ	Tỉ lệ: 61,9 %
+ Kiến thức cơ sở ngành	: 30 tín chỉ	Tỉ lệ: 19,4 %
+ Kiến thức chuyên ngành	: 66 tín chỉ	Tỉ lệ: 42,6 %
- Thực tập	: 5 tín chỉ	Tỉ lệ: 3,2 %
- Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	: 7 tín chỉ	Tỉ lệ: 4,5 %

Đối với CTĐT Tiếng Nhật

- Kiến thức đại cương	: 47 tín chỉ	Tỉ lệ: 29,7 %
- Kiến thức chuyên nghiệp	: 99 tín chỉ	Tỉ lệ: 62,7 %
+ Kiến thức cơ sở ngành	: 30 tín chỉ	Tỉ lệ: 19 %
+ Kiến thức chuyên ngành	: 69 tín chỉ	Tỉ lệ: 43,7 %
- Thực tập	: 5 tín chỉ	Tỉ lệ: 3,2 %
- Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	: 7 tín chỉ	Tỉ lệ: 4,4 %

4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		47	600	300		
Bắt buộc			45	570	300		
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	75	0		Elearning
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	45	0	075580 (a)	Elearning
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	075580 (a) 075581 (a)	Elearning
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	0	075580 (a) 075581(a)	Elearning
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	075580 (a) 075583 (a)	Elearning
6	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0		Lý thuyết
7	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	30	0		Lý thuyết
8	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0		Lý thuyết
							Lý thuyết
9	073513	Khởi nghiệp	2	30	0		kết hợp đề án
10	070004	Hoá đại cương	2	30	0		Lý thuyết
11	070245	Xác suất thống kê y học	2	30	0		Lý thuyết
12	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	0	60		Thực hành
13	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	0	60		Thực hành
14	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	15	90		LT+TH
15	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	77	72		LT+TH
SV chọn các học phần về Ngoại ngữ							
Đối với CTĐT Tiếng Anh			18	180	180		
16	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	30	30		LT+TH
17	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	30	30	073499(a)	LT+TH
18	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	30	30	073500(a)	LT+TH
19	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc	3	30	30	073501(a)	LT+TH

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
		tế 2					
20	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	30	30	073502(a)	LT+TH
21	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	30	30	073503(a)	LT+TH
Đối với CTĐT Tiếng Nhật			18	180	180		
16	073322	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 1	3	30	30		LT+TH
17	073323	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 2	3	30	30	073322(a)	LT+TH
18	073324	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 3	3	30	30	073323(a)	LT+TH
19	073325	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 4	3	30	30	073324(a)	LT+TH
20	073326	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 5	3	30	30	073325(a)	LT+TH
21	073327	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 6	3	30	30	073326(a)	LT+TH
Đối với CTĐT Tiếng Đức			18	180	180		
16	073961	Tiếng Đức 1	3	30	30		LT+TH
17	073962	Tiếng Đức 2	3	30	30	073961(a)	LT+TH
18	073963	Tiếng Đức 3	3	30	30	073962(a)	LT+TH
19	073964	Tiếng Đức 4	3	30	30	073963(a)	LT+TH
20	073965	Tiếng Đức 5	3	30	30	073964(a)	LT+TH
21	073966	Tiếng Đức 6	3	30	30	073965(a)	LT+TH
Tự chọn:			2	30	0		
22	071485	Tâm lý học đại cương	2	30	0		Lý thuyết
23	071350	Logic học	2	30	0		Lý thuyết
24	070796	Tư duy sáng tạo	2	30	0		Lý thuyết
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức			96	1020	1140		
Đối với CTĐT Tiếng Nhật			99	1065	1140		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		30	420	60		
25	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	30	0		Lý thuyết
26	070236	Sinh học di truyền y	2	30	0		Lý thuyết
27	073558	Tâm lý y học – Y đức	2	30	0		Lý thuyết
28	073458	Nhập môn ngành điều dưỡng	2	30	0		Lý thuyết
29	070227	Giải phẫu	4	45	30		LT+TH
30	070237	Sinh lý	2	30	0	070227(a)	Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
31	070238	Sinh lý bệnh – miễn dịch	2	30	0	070237(a)	Lý thuyết
32	070229	Hoá sinh	2	30	0		Lý thuyết
33	031974	Vì sinh – ký sinh trùng	2	30	0		Lý thuyết
34	074886	Dược lý điều dưỡng	2	30	0		Lý thuyết
35	070222	Dịch tễ học	1	15	0		Lý thuyết
36	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	1	15	0		Lý thuyết
37	070246	Y học cổ truyền	2	30	0		Lý thuyết
38	070240	Sức khỏe và môi trường	2	30	0		Lý thuyết
39	070233	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng	2	15	30		LT+TH
II.2 Kiến thức chuyên ngành							
Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức			66	600	1080		
Đối với CTĐT Tiếng Nhật			69	660	1110		
Bắt buộc:							
Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức			62	570	990		
Đối với CTĐT Tiếng Nhật			65	600	1120		
40	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	45	60		LT+TH
41	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	30	90	070223(a)	LT+TH
42	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	30	0		Lý thuyết
43	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1 – TH	2	0	90	070214(a)	TH bệnh viện
44	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2	30	0		Lý thuyết
45	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2 – TH	2	0	90	070215(a)	TH bệnh viện
46	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	30	0		Lý thuyết
47	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1 – TH	2	0	90	070212(a)	Thực hành bệnh viện
48	070213	Chăm sóc sức khỏe người	2	30	0		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
		lớn có bệnh Ngoại khoa 2					
49	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2 – TH	2	0	90	070213(a)	TH bệnh viện
50	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	30	0		Lý thuyết
51	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 – TH	2	0	90	070216(a)	TH bệnh viện
52	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	30	0		Lý thuyết
53	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 – TH	2	0	90	070218(a)	TH bệnh viện
54	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	2	30	0		Lý thuyết
55	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 – TH	2	0	90	070209(a)	TH bệnh viện
56	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	15	0		Lý thuyết
57	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng – TH	2	0	90	070208(a)	TH bệnh viện
58	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	30	0		Lý thuyết
59	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	30	0	070206(a)	Lý thuyết
60	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 – TH	2	0	90	070457(a)	TH bệnh viện
61	070211	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1	2	30	0		Lý thuyết
62	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	30	0		Lý thuyết
63	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	30	0		Lý thuyết
64	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều	1	15	0		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
		dưỡng					
65	073556	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	3	30	30		Lý thuyết
66	073555	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	2	30	0		Lý thuyết
SV học các học phần phù hợp với từng CTĐT							
Đối với CTĐT Tiếng Anh							
67	073557	Anh văn chuyên ngành	3	45	0		Lý thuyết
Đối với CTĐT Tiếng Đức							
67	073967	Tiếng Đức chuyên ngành Điều dưỡng	3	45	0	073961(a)	Lý thuyết
Đối với CTĐT Tiếng Nhật							
67	073330	Tiếng Nhật chuyên ngành điều dưỡng 1	3	30	30	073327(a)	LT+TH
68	073331	Tiếng Nhật chuyên ngành điều dưỡng 2	3	30	30	073330(a)	LT+TH
Tự chọn:			4	30	90		
69	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	30	0		Lý thuyết
70	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 - TH	2	0	90	070458(a)	TH bệnh viện
71	070459	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2	2	30	0		Lý thuyết
72	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2	0	90	070459(a)	
73	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	30	0		Lý thuyết
74	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	2	0	90	070462(a)	TH bệnh viện
75	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	30	0		Lý thuyết
76	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2	0	90	070219(a)	TH bệnh viện

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
III	TỐT NGHIỆP		12	0	540		
77	070242	Thực tập tốt nghiệp	5	0	225		TH bệnh viện
78	070230	Khoá luận tốt nghiệp	7	0	315		Lý thuyết kết hợp đi thực tế BV
Hoặc môn học thay thế KLTN			7	45	180		
79	071626	Đồ án chuyên ngành điều dưỡng	3	45	0		Lý thuyết
80	070467	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 - TH	2	0	90		TH bệnh viện
81	070468	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 - TH	2	0	90		TH bệnh viện

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

5.1. Đối với CTĐT Tiếng Anh

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			13	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	
2	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	
3	073458	Nhập môn ngành điều dưỡng	2	
4	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	
5	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	
6	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	
<i>Tự chọn</i>			2	
1	070796	Tư duy sáng tạo	2	
2	071350	Logic học	2	
3	071485	Tâm lý học đại cương	2	
HỌC KỲ 2			17	
1	070004	Hóa học đại cương	2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiền quyết (b)
2	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	
3	070227	Giải phẫu	4	
4	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	
5	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	
6	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580(a) 075581(a)
7	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	
HỌC KỲ 3			11	
1	070011	Pháp luật đại cương	2	
2	070236	Sinh học di truyền y	2	
3	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580(a) 075582(a)
4	070237	Sinh lý	2	070227(a)
5	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	073499(a)
HỌC KỲ 4			15	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580(a) 075583(a)
2	031974	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	
3	070229	Hóa sinh	2	
4	070240	Sức khỏe và môi trường	2	
5	070245	Xác suất thống kê y học	2	
6	073558	Tâm lý Y học - Y đức	2	
7	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	073500(a)
HỌC KỲ 5			13	
1	070222	Dịch tễ học	1	
2	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	
3	074886	Dược lý điều dưỡng	2	
4	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	070237(a)
5	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	073501(a)
HỌC KỲ 6			17	
1	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	
2	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	
3	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	070223(a)
4	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	
5	070246	Y học cổ truyền	2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
6	073513	Khởi nghiệp	2	
7	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	073502(a)
HỌC KỲ 7			15	
1	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	
2	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	
3	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	1	
4	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	
5	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	073503(a)
6	073555	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	2	
7	073556	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	3	
HỌC KỲ 8			13	
1	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	2	
2	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	
3	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	
4	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 - TH	2	070214(a)
5	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 - TH	2	070212(a)
6	073557	Anh văn chuyên ngành	3	
HỌC KỲ 9			13	
1	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	
2	070211	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1	2	
3	070233	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng	2	
4	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - TH	2	070216(a)
5	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - TH	2	070218(a)
6	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 - TH	2	070209(a)
7	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	070206(a)
HỌC KỲ 10			10	
1	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2	
2	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có	2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
		bệnh Nội khoa 2		
3	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng - TH	2	070208(a)
4	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	2	070457(a)
<i>Tự chọn</i>			2	
1	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	
2	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	
3	070459	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2	2	
4	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	
HỌC KỲ 11			11	
1	070242	Thực tập tốt nghiệp	5	070224(b)
2	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - TH	2	070213(a)
3	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 - TH	2	070215(a)
<i>Tự chọn</i>			2	
1	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 – TH	2	070458(a)
2	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2	070459(a)
3	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	2	070462(a)
4	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2	070219(a)
HỌC KỲ 12			7	
1	070230	Khóa luận tốt nghiệp	7	
<i>Môn học thay thế KLTN</i>			7	
1	071626	Đồ án chuyên ngành điều dưỡng	3	
2	070467	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 - TH	2	
3	070468	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 - TH	2	

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

5.2. Đối với CTĐT Tiếng Đức

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiền quyết (b)
HỌC KỲ 1			13	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	
2	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	
3	073458	Nhập môn ngành điều dưỡng	2	
4	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	
5	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	
6	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	
Tự chọn			2	
1	070796	Tư duy sáng tạo	2	
2	071350	Logic học	2	
3	071485	Tâm lý học đại cương	2	
HỌC KỲ 2			17	
1	070004	Hóa học đại cương	2	
2	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	
3	070227	Giải phẫu	4	
4	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	
5	073961	Tiếng Đức 1	3	
6	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580(a) 075581(a)
7	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	
HỌC KỲ 3			11	
1	070011	Pháp luật đại cương	2	
2	070236	Sinh học di truyền y	2	
3	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580(a) 075582(a)
4	070237	Sinh lý	2	070227(a)
5	073962	Tiếng Đức 2	3	073961(a)
HỌC KỲ 4			15	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580(a) 075583(a)
2	031974	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
3	070229	Hóa sinh	2	
4	070240	Sức khỏe và môi trường	2	
5	070245	Xác suất thống kê y học	2	
6	073558	Tâm lý Y học - Y đức	2	
7	073963	Tiếng Đức 3	3	073962(a)
HỌC KỲ 5			13	
1	070222	Dịch tễ học	1	
2	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	
3	074886	Dược lý điều dưỡng	2	
4	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	070237(a)
5	073964	Tiếng Đức 4	3	073963(a)
HỌC KỲ 6			17	
1	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	
2	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	
3	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	070223(a)
4	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	
5	070246	Y học cổ truyền	2	
6	073513	Khởi nghiệp	2	
7	073965	Tiếng Đức 5	3	073964(a)
HỌC KỲ 7			15	
1	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	
2	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	
3	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	1	
4	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	
5	073966	Tiếng Đức 6	3	073965(a)
6	073555	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	2	
7	073556	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	3	
HỌC KỲ 8			13	
1	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	2	
2	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	
3	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiền quyết (b)
4	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 - TH	2	070214(a)
5	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 - TH	2	070212(a)
6	073967	Tiếng Đức chuyên ngành Điều dưỡng	3	073961((a)
HỌC KỲ 9			13	
1	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	
2	070211	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1	2	
3	070233	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng	2	
4	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - TH	2	070216(a)
5	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - TH	2	070218(a)
6	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 - TH	2	070209(a)
7	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	070206(a)
HỌC KỲ 10			10	
1	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2	
2	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2	
3	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng - TH	2	070208(a)
4	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	2	070457(a)
Tự chọn			2	
1	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	
2	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	
3	070459	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2	2	
4	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	
HỌC KỲ 11			11	
1	070242	Thực tập tốt nghiệp	5	070224(b)
2	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - TH	2	070213(a)
3	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 - TH	2	070215(a)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
Tự chọn			2	
1	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 – TH	2	070458(a)
2	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2	070459(a)
3	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	2	070462(a)
4	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2	070219(a)
HỌC KỲ 12			7	
1	070230	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Môn học thay thế KLTN			7	
1	071626	Đồ án chuyên ngành điều dưỡng	3	
2	070467	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 - TH	2	
3	070468	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 - TH	2	

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

5.3. Đối với CTĐT Tiếng Nhật

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			13	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	
2	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	
3	073458	Nhập môn ngành điều dưỡng	2	
4	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	
5	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	
6	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	
Tự chọn			2	
1	070796	Tư duy sáng tạo	2	
2	071350	Logic học	2	
3	071485	Tâm lý học đại cương	2	
HỌC KỲ 2			17	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiền quyết (b)
1	070004	Hóa học đại cương	2	
2	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	
3	070227	Giải phẫu	4	
4	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	
5	073322	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 1	3	
6	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580(a) 075581(a)
7	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	
HỌC KỲ 3			11	
1	070011	Pháp luật đại cương	2	
2	070236	Sinh học di truyền y	2	
3	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580(a) 075582(a)
4	070237	Sinh lý	2	070227(a)
5	073323	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 2	3	073322(a)
HỌC KỲ 4			15	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580(a) 075583(a)
2	031974	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	
3	070229	Hóa sinh	2	
4	070240	Sức khỏe và môi trường	2	
5	070245	Xác suất thống kê y học	2	
6	073558	Tâm lý Y học - Y đức	2	
7	073324	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 3	3	073323(a)
HỌC KỲ 5			13	
1	070222	Dịch tễ học	1	
2	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	
3	074886	Dược lý điều dưỡng	2	
4	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	070237(a)
5	073325	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 4	3	073324(a)
HỌC KỲ 6			17	
1	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	
2	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	
3	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	070223(a)
4	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiền quyết (b)
5	070246	Y học cổ truyền	2	
6	073513	Khởi nghiệp	2	
7	073326	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 5	3	073325(a)
HỌC KỲ 7			15	
1	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	
2	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	
3	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	1	
4	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	
5	073327	Tiếng Nhật _Điều dưỡng 6	3	073326(a)
6	073555	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	2	
7	073556	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	3	
HỌC KỲ 8			13	
1	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	2	
2	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	
3	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	
4	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 - TH	2	070214(a)
5	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 - TH	2	070212(a)
6	073330	Tiếng Nhật chuyên ngành điều dưỡng 1	3	073327(a)
HỌC KỲ 9			16	
1	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	
2	070211	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1	2	
3	070233	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng	2	
4	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - TH	2	070216(a)
5	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - TH	2	070218(a)
6	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 - TH	2	070209(a)
7	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	070206(a)
8	073331	Tiếng Nhật chuyên ngành điều dưỡng 2		073330(a)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 10			10	
1	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2	
2	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2	
3	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng - TH	2	070208(a)
4	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	2	070457(a)
<i>Tự chọn</i>			2	
1	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	
2	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	
3	070459	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2	2	
4	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	
HỌC KỲ 11			11	
1	070242	Thực tập tốt nghiệp	5	070224(b)
2	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - TH	2	070213(a)
3	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 - TH	2	070215(a)
<i>Tự chọn</i>			2	
1	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 – TH	2	070458(a)
2	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2	070459(a)
3	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	2	070462(a)
4	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2	070219(a)
HỌC KỲ 12			7	
1	070230	Khóa luận tốt nghiệp	7	
<i>Môn học thay thế KLTN</i>			7	
1	071626	Đồ án chuyên ngành điều dưỡng	3	
2	070467	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 - TH	2	
3	070468	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 - TH	2	

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/ học phần vào Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng không liên quan đến Chuẩn đầu ra.

S (Support): Có đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn dạy kiến thức/kỹ năng làm cơ sở cho việc đạt được Chuẩn đầu ra.

H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy kiến thức/kỹ năng thực hành các yêu cầu của Chuẩn đầu ra ở mức cơ bản hay nâng cao.

Đối với CTĐT Tiếng Anh

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra											
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng	
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	S	N	N	N	S	S	S	N	N	S	S	5
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	S	N	N	N	S	S	S	N	N	S	S	5
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	S	N	N	N	S	S	S	N	N	S	S	5
4	075583	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	S	N	N	N	S	S	S	N	N	S	S	5
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	N	N	N	S	S	S	N	N	S	S	5
6	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	S	N	N	N	S	H	H	N	N	S	H	5
7	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	S	N	N	N	S	S	H	N	N	S	H	5
8	070011	Pháp luật đại cương	2	H	N	N	N	S	S	S	N	N	S	S	5
9	073513	Khởi nghiệp	2	S	N	N	N	S	S	S	N	N	S	H	5
10	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	S	N	N	N	S	S	H	N	N	S	S	5
11	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	S	N	N	N	S	S	H	N	N	S	S	5
12	073501	Tiếng Anh giao tiếp	3	S	N	N	N	S	S	H	N	N	S	S	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
		quốc tế 1												
13	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
14	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
15	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
16	070004	Hóa học đại cương	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
17	070245	Xác suất thống kê y học	2	H	N	N	N	S	N	N	N	S	N	3
18	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
19	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
20	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
21	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
22	071485	Tâm lý học đại cương	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
23	070796	Tư duy sáng tạo	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
24	071350	Logic học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
25	073458	Nhập môn ngành điều dưỡng	2	N	N	S	N	S	S	N	S	S	S	6
26	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	S	S	S	N	S	N	N	S	S	S	7

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
27	070227	Giải phẫu	4	N	H	S	S	N	N	S	N	S	N	5
28	070236	Sinh học di truyền y	2	S	S	S	N	S	N	N	S	S	S	7
29	073558	Tâm lý Y học - Y đức	2	N	N	H	H	H	H	S	S	H	S	8
30	070237	Sinh lý	2	N	H	S	S	N	N	S	N	S	N	5
31	031974	Vĩ sinh - Ký sinh trùng	2	N	S	H	H	S	S	S	S	S	S	9
32	070229	Hóa sinh	2	N	S	H	S	N	S	S	S	S	S	8
33	070240	Sức khỏe và môi trường	2	N	N	N	H	S	S	N	S	S	S	6
34	070222	Dịch tễ học	2	H	N	N	S	N	N	N	S	N	S	4
35	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
36	074886	Dược lý điều dưỡng	2	N	S	H	N	N	S	H	S	S	S	7
37	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	N	H	S	N	N	S	H	N	S	H	6
38	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
39	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9
40	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
41	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
42	070246	Y học cổ truyền	2	S	S	S	S	S	S	H	N	S	S	9

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
43	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	N	H	N	H	N	H	H	N	H	N	5
44	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	N	S	H	S	H	H	H	S	S	S	9
45	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	2	N	S	H	H	H	H	S	S	S	S	9
46	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	N	N	H	S	S	S	S	N	S	S	7
47	073555	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	2	S	N	S	S	H	H	H	H	S	S	9
48	073556	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	3	S	S	H	H	H	H	H	S	H	S	10
49	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm I	2	S	H	H	S	S	S	S	H	S	S	10
50	070211	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi I	2	N	S	H	S	S	S	S	S	S	S	9
51	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình I	2	S	H	H	H	S	S	S	H	H	S	10
52	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	2	S	H	H	S	S	S	S	H	S	S	10
53	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội	2	N	S	S	S	H	S	S	S	S	S	9

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
		khoa 1 - TH												
54	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 - TH	2	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	10
55	073557	Anh văn chuyên ngành	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
56	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	N	N	H	S	S	S	S	N	S	S	7
57	070233	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng	3	S	N	N	N	H	S	N	S	H	H	6
58	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - TH	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
59	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - TH	2	N	S	H	S	S	H	H	H	H	H	9
60	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 – TH	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	10
61	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
62	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
63	070215	Chăm sóc sức khỏe	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra											
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng	
		người lớn có bệnh Nội khoa 2													
64	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng - TH	2	H	S	S	S	S	S	H	S	S	S	S	10
65	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	2	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	S	10
66	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	S	10
67	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	S	10
68	070459	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	S	9
69	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	S	10
70	070242	Thực tập tốt nghiệp	5	S	S	H	H	S	S	H	H	H	H	H	10
71	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - TH	2	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	10
72	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 - TH	2	N	S	S	S	H	S	H	S	S	S	S	9
73	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	H	10

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
		nhiệm 2 – TH												
74	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2	N	S	S	S	H	S	S	H	S	S	9
75	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	2	S	H	H	H	S	S	S	H	H	S	10
76	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	10
77	070230	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn học thay thế)	7	S	S	H	H	S	S	S	H	H	H	10
Tổng (%)				55 (9.6)	44 (7.7)	48 (8.4)	46 (8.1)	68 (11.9)	71 (12.5)	46 (8.1)	45 (7.9)	74 (13.0)	73 (12.8)	570 (100)

Đối với CTDĐT Tiếng Đức

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
4	075583	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
6	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	5
7	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	5
8	070011	Pháp luật đại cương	2	H	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
9	073513	Khởi nghiệp	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	H	5
10	073961	Tiếng Đức 1	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
11	073962	Tiếng Đức 2	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
12	073963	Tiếng Đức 3	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
13	073964	Tiếng Đức 4	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
14	073965	Tiếng Đức 5	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
15	073966	Tiếng Đức 6	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
16	070004	Hóa học đại cương	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
17	070245	Xác suất thống kê y học	2	H	N	N	N	S	N	N	N	S	N	3
18	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
19	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
20	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
21	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tỉn chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
22	071485	Tâm lý học đại cương	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
23	070796	Tư duy sáng tạo	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
24	071350	Logic học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
25	073458	Nhập môn ngành điều dưỡng	2	N	N	S	N	S	S	N	S	S	S	6
26	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	S	S	S	N	S	N	N	S	S	S	7
27	070227	Giải phẫu	4	N	H	S	S	N	N	S	N	S	N	5
28	070236	Sinh học di truyền y	2	S	S	S	N	S	N	N	S	S	S	7
29	073558	Tâm lý Y học - Y đức	2	N	N	H	H	H	H	S	S	H	S	8
30	070237	Sinh lý	2	N	H	S	S	N	N	S	N	S	N	5
31	031974	Vì sinh - Ký sinh trùng	2	N	S	H	H	S	S	S	S	S	S	9
32	070229	Hóa sinh	2	N	S	H	S	N	S	S	S	S	S	8
33	070240	Sức khỏe và môi trường	2	N	N	N	H	S	S	N	S	S	S	6
34	070222	Dịch tễ học	2	H	N	N	S	N	N	N	S	N	S	4
35	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
36	074886	Dược lý điều dưỡng	2	N	S	H	N	N	S	H	S	S	S	7
37	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	N	H	S	N	N	S	H	N	S	H	6
38	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
39	070214	Chăm sóc sức khỏe	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
		người lớn có bệnh Nội khoa 1												
40	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
41	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
42	070246	Y học cổ truyền	2	S	S	S	S	S	S	H	N	S	S	9
43	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	N	H	N	H	N	H	H	N	H	N	5
44	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	N	S	H	S	H	H	H	S	S	S	9
45	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	2	N	S	H	H	H	S	S	S	S	S	9
46	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	N	N	H	S	S	S	S	N	S	S	7
47	073555	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	2	S	N	S	S	H	H	S	H	S	S	9
48	073556	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	3	S	S	H	H	H	H	S	S	H	S	10
49	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
50	070211	Chăm sóc sức khỏe	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
		người cao tuổi 1												
51	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
52	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
53	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 - TH	2	N	S	S	S	H	S	H	S	S	S	9
54	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 - TH	2	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	10
55	073967	Tiếng Đức chuyên ngành Điều dưỡng	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
56	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	N	N	H	S	S	S	S	N	S	S	7
57	070233	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng	3	S	N	N	N	H	S	N	S	H	H	6
58	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - TH	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
59	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - TH	2	N	S	H	S	S	H	H	H	H	H	9
60	070455	Chăm sóc sức khỏe	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	10

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
		người bệnh truyền nhiễm 1 – TH												
61	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
62	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
63	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9
64	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng - TH	2	H	S	S	S	S	S	H	S	S	S	10
65	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	2	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
66	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
67	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
68	070459	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9
69	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
70	070242	Thực tập tốt nghiệp	5	S	S	H	H	S	S	H	H	H	H	10

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
71	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - TH	2	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	10
72	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 - TH	2	N	S	S	S	H	S	H	S	S	S	9
73	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 - TH	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	10
74	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2	N	S	S	S	H	S	H	S	S	S	9
75	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
76	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	10
77	070230	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn học thay thế)	7	S	S	H	H	S	S	H	H	H	H	10
Tổng (%)				55 (9.6)	44 (7.7)	48 (8.4)	46 (8.1)	68 (11.9)	71 (12.5)	46 (8.1)	45 (7.9)	74 (13.0)	73 (12.8)	570 (100)

Đối với CTĐT Tiếng Nhật

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
4	075583	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
6	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	5
7	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	5
8	070011	Pháp luật đại cương	2	H	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
9	073513	Khởi nghiệp	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	H	5
10	073322	Tiếng Nhật_Điều dưỡng 1	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
11	073323	Tiếng Nhật_Điều dưỡng 2	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
12	073324	Tiếng Nhật_Điều dưỡng 3	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
13	073325	Tiếng Nhật_Điều dưỡng 4	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
14	073326	Tiếng Nhật_Điều dưỡng 5	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
15	073327	Tiếng Nhật_Điều dưỡng 6	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	5
16	070004	Hóa học đại cương	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
17	070245	Xác suất thống kê y học	2	H	N	N	N	S	N	N	N	S	N	3
18	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
19	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	3
20	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
21	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
22	071485	Tâm lý học đại cương	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
23	070796	Tư duy sáng tạo	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
24	071350	Logic học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	5
25	073458	Nhập môn ngành điều dưỡng	2	N	N	S	N	S	S	N	N	S	S	6
26	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	S	S	S	N	S	N	N	S	S	S	7
27	070227	Giải phẫu	4	N	H	S	S	N	N	N	S	S	N	5
28	070236	Sinh học di truyền y	2	S	S	S	N	S	N	N	S	S	S	7

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
29	073558	Tâm lý Y học - Y đức	2	N	N	H	H	H	H	S	S	H	S	8
30	070237	Sinh lý	2	N	H	S	S	N	N	S	N	S	N	5
31	031974	Vì sinh - Ký sinh trùng	2	N	S	H	H	S	S	S	S	S	S	9
32	070229	Hóa sinh	2	N	S	H	S	N	S	S	S	S	S	8
33	070240	Sức khỏe và môi trường	2	N	N	N	H	S	S	S	N	S	S	6
34	070222	Dịch tễ học	2	H	N	N	S	N	N	N	S	N	S	4
35	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	S	S	H	S	H	S	S	H	S	S	10
36	074886	Dược lý điều dưỡng	2	N	S	H	N	N	S	S	H	S	S	7
37	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	N	H	S	N	N	S	S	H	S	H	6
38	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	S	H	H	H	S	S	S	H	H	S	10
39	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	N	S	H	S	S	S	S	H	S	S	9
40	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	S	S	H	S	H	S	S	H	S	S	10
41	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	S	H	H	S	S	S	S	H	S	S	10
42	070246	Y học cổ truyền	2	S	S	S	S	S	S	S	H	S	S	9
43	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc	2	N	H	N	H	N	H	H	H	H	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
		tích cực												
44	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	N	S	H	S	H	H	H	S	S	S	9
45	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	2	N	S	H	H	H	S	S	S	S	S	9
46	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	N	N	H	S	S	S	S	N	S	S	7
47	073555	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	2	S	N	S	S	H	H	S	H	S	S	9
48	073556	Giáo dục sức khoẻ và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	3	S	S	H	H	H	H	S	S	H	S	10
49	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
50	070211	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9
51	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
52	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
53	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 - TH	2	N	S	S	S	H	S	H	S	S	S	9
54	070448	Chăm sóc sức khỏe	2	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	10

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra											
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng	
		người lớn có bệnh ngoại khoa 1 - TH													
55	073330	Tiếng Nhật chuyên ngành Điều dưỡng 1	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	S	5
56	073331	Tiếng Nhật chuyên ngành Điều dưỡng 2	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	S	5
57	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	N	N	H	S	S	S	S	N	S	S	S	7
58	070233	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng	3	S	N	N	N	H	S	N	N	H	H	H	6
59	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - TH	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	H	S	10
60	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - TH	2	N	S	H	S	S	H	H	H	H	H	H	9
61	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 – TH	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	H	10
62	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	S	S	H	S	H	S	H	H	S	S	S	10
63	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	H	S	10

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	
		Ngoại khoa 2												
64	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9
65	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng - TH	2	H	S	S	S	S	S	H	S	S	S	10
66	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	2	S	S	H	S	H	S	H	S	S	S	10
67	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
68	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	10
69	070459	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2	2	N	S	H	S	S	S	H	S	S	S	9
70	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	S	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
71	070242	Thực tập tốt nghiệp	5	S	S	H	H	S	S	H	H	H	H	10
72	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - TH	2	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	10
73	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 - TH	2	N	S	S	S	H	S	H	S	S	S	9

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	Tổng
74	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 – TH	2	S	S	H	S	S	H	H	H	H	H	10
75	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2	N	S	S	S	S	H	S	H	S	S	9
76	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	2	S	H	H	H	H	S	S	H	H	S	10
77	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2	S	S	H	S	S	S	H	H	H	H	10
78	070230	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn học thay thế)	7	S	S	H	H	S	S	H	H	H	H	10
Tổng (%)				56 (9.7)	44 (7.7)	48 (8.4)	46 (8.0)	69 (12)	72 (12.5)	46 (8)	45 (7.8)	75 (13.0)	74 (12.9)	575 (100)

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Triết học Mác – Lênin: 3 tín chỉ

Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Chủ nghĩa Xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

Tin học MOS 1 (Windows, Word): 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách sử dụng

Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về trang tính, sổ tính, nhập liệu, định dạng các kiểu dữ liệu, trình bày bảng tính; sử dụng công thức và hàm trong bảng tính; sắp xếp, trích lọc và tổ chức dữ liệu; chia sẻ tài liệu trên Microsoft Excel; học phần cũng đi vào các vấn đề liên quan đến xây dựng, tổ chức, sử dụng các đối tượng minh họa cũng như việc sử dụng các hiệu ứng trên Microsoft PowerPoint.

Kỹ năng giao tiếp: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Kỹ năng giao tiếp” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy giao tiếp xã hội và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về tâm lý giao tiếp và nguyên tắc giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động thuyết trình, phỏng vấn xin việc làm chuyên nghiệp, phân tích đánh giá bản thân, đề hình thành tính chủ động, năng động, tự tin trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời. Biết vận dụng có hiệu quả các kỹ năng lắng nghe, ứng xử, điều hành, giải quyết vấn đề và kỹ năng sống trong giao tiếp khách hàng, đồng nghiệp thông qua các yếu tố ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và môi trường xung quanh.

Kỹ năng giao tiếp (HP2): 2 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp chuyên sâu, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào giao tiếp trong cuộc sống, công việc và học tập. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc viết E-mail, giao tiếp, thông báo, báo cáo khoa học, các loại văn bản kinh doanh gửi cho khách. Sinh viên cũng sẽ được chuẩn bị các kỹ năng viết hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc làm chuyên sâu. Trong khi học các kỹ năng viết e-mail, viết báo cáo, sinh viên sẽ được giao những bài tập làm trong nhóm (tại lớp hay tại nhà), từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

Tiếng Anh tổng quát 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

Tiếng Đức 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Đức 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Đức không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình (60 tiết) và học online với nội dung do KNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Đức cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

Tiếng Nhật – Điều dưỡng 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Nhật – Điều dưỡng 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Nhật không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình (60 tiết) và học online với nội dung do KNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Nhật cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

Tiếng Anh tổng quát 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

Tiếng Đức 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Đức 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Đức không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình 2 (60 tiết) và học online với nội dung do KNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Đức cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

Tiếng Nhật – Điều dưỡng 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Nhật – Điều dưỡng 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Nhật không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình 2 (60 tiết) và học online với nội dung do KNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Nhật cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Đức 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Đức 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Đức không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 3 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Đức ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Tiếng Nhật – Điều dưỡng 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Nhật – Điều dưỡng 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Nhật không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 3 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Nhật ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời phát triển các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Đức 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Đức 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Đức không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 4 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Đức ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Tiếng Nhật – Điều dưỡng 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Nhật – Điều dưỡng 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Nhật không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 4 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Nhật ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Next Level Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Ở cấp độ này, sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời phát triển hơn nữa các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Đức 5: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Đức 5 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Đức không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 5 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Đức ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Tiếng Nhật – Điều dưỡng 5: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Nhật – Điều dưỡng 5 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Nhật không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 5 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Nhật ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Next Level Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 2 kỹ năng nghe - đọc và ôn luyện cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để làm bài thi TOEIC quốc tế đạt mức điểm cao theo yêu cầu của nhà trường.

Tiếng Đức 6: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Đức 6 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Đức không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 6 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Đức ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Tiếng Nhật – Điều dưỡng 6: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Nhật – Điều dưỡng 6 được giảng dạy cho sinh viên hệ tiếng Nhật không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình 6 (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Khoa Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Nhật ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi.

Hóa đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần “Hóa học đại cương” cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về Cấu tạo nguyên tử, Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học, Liên kết hóa học, để hiểu được qui luật sắp xếp electron trong nguyên tử và cấu tạo chất; để biết và vận dụng được các qui luật Nhiệt động học vào quá trình hóa học, giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến chiều phản ứng, tốc độ phản ứng; hiểu được các vấn đề khoa học cơ bản về nồng độ, sự điện ly, sự thủy phân, hệ đệm trong dung dịch, các phản ứng xảy ra trong pin và giải thích được sự phát sinh ra dòng điện và chiều hướng xảy ra trong các phản ứng oxy hóa – khử. Giúp người học tiếp tục hiểu được kiến thức cơ sở ngành về các học phần Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa sinh, Hóa dược, Hóa phân tích trong các CTĐT khối ngành Y – Dược - Điều dưỡng; khối ngành công nghệ hóa thực phẩm và Công nghệ bảo vệ Môi trường.

Tâm lý học đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: học phần “Tâm lý học đại cương” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý cá nhân trong hoạt động cộng đồng và xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về các hiện tượng tâm lý, quá trình diễn biến tâm lý theo từng trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý cá nhân của bản thân, khách hàng, tập thể đồng nghiệp, cộng đồng trong xã hội. Người học hiểu được và biết ứng dụng các qui luật tâm lý, các kỹ năng nhận diện tâm lý vào trong quá trình đánh giá, phân tích, phán đoán thái độ, nhân cách cá nhân về đối nhân xử thế, rèn luyện đạo đức của bản thân, tập thể phù hợp với đạo đức nghề nghiệp, chuẩn mực đạo đức xã hội, biết tôn trọng cảm xúc, tình cảm cá nhân trong tập thể, cộng đồng xã hội để phát triển tính tích cực cá nhân và tìm nguồn cảm hứng, đam mê, sáng tạo trong quá trình tự học tập suốt đời và lập nghiệp.

Khởi nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng về lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp, như: tổng quan về kế hoạch kinh doanh, nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh, thu thập thông tin, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, phân tích rủi ro trong lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn, triển khai một kế hoạch kinh doanh mẫu.

Pháp luật đại cương: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Tư duy sáng tạo: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Tư duy sáng tạo” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Tư duy nhận thức khoa học sáng tạo trong hoạt động khoa học – kỹ thuật – công nghệ của cuộc sống xã hội. Hiểu được và vận dụng được các qui luật và nguyên tắc tư duy sáng tạo vào trong hoạt động phân tích, đánh giá và lựa chọn giải pháp giải quyết tối ưu, khả thi, hiệu dụng để đề ra quyết định trong từng phạm vi áp dụng cụ thể, đáp ứng mục tiêu đổi mới cho tương lai. Giúp cho người học luôn tự tin vào năng lực sáng tạo của bản thân, để biết chủ động phát huy tính năng động hình thành các ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời, nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội đa dạng, phong phú theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, biết kiến tạo ra sản phẩm sáng chế, sản phẩm mới, sáng kiến mới vào hoạt động thực tiễn.

Logic học: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Logic học” cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức về các hình thức, bản chất của các phạm trù khoa học, giả thuyết khoa học và quy luật của tư duy chính xác, tư duy lôgic. Giúp người học có năng lực tự nâng cao tư duy phản biện khoa học, tư duy sáng tạo trong quá trình nhận thức thực tiễn khách quan và biết vận dụng vào quá trình biện luận, lý giải, phân tích, đánh giá tổng quan về các vấn đề khoa học trong các chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành và biết cách thức đặt vấn đề khoa học, giải quyết vấn đề, dự báo vấn đề khoa học mới trong các tiểu luận khoa học, đề tài NCKH, luận văn, luận án tốt nghiệp và trong các hoạt động chuyên môn lập nghiệp suốt đời.

Xác suất thống kê y học: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Xác suất thống kê y học” tiếp tục cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khái niệm, phương pháp luận về phép thử và biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số mẫu, kiểm định giả thuyết mẫu. Hiểu được và biết vận dụng các kỹ năng tính toán vào quá trình giải, xử lý phân tích, đánh giá các bài toán xác suất, ước lượng,

kiểm định các giả thuyết khoa học thực tiễn trong hoạt động kinh tế xã hội nhân văn, bảo vệ sức khỏe.

Giáo dục quốc phòng và an ninh (*): 08 tín chỉ

Nội dung:

Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Giáo dục thể chất (*): 05 tín chỉ

Nội dung: gồm 2 phần

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và thể tự vệ.

Vật lý đại cương và lý sinh: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các dạng vận động vật lý và các quy luật của nó trong thế giới tự nhiên. Các hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học. vận dụng được các quy luật vận động trong hóa học và sinh học vào y dược học. Giới thiệu một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chuẩn đoán và điều trị.

Sinh học di truyền: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; thực hiện được một số phương pháp nghiên cứu y sinh học ở người; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

Tâm lý Y học – Y đức: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về các khái niệm cơ bản của Tâm lý Y học nhằm giúp sinh viên có thể phân tích được mối liên quan giữa đạo đức với y đức và các đặc trưng của đạo đức nghề nghiệp, có thái độ đúng đắn khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

Nhập môn điều dưỡng: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết ban đầu về sứ mạng xã hội, lịch sử ra đời, bối cảnh phát triển, đặc điểm và các lĩnh vực của ngành Điều dưỡng. Môn

học cũng giới thiệu với sinh viên về nghề Điều dưỡng và quá trình làm việc với bệnh nhân, về công việc của người Điều dưỡng tại bệnh viện. Môn học sẽ giới thiệu về chương trình học, về quy chế học vụ, cách tính điểm cho sinh viên, giúp sinh viên định hướng tự đề ra kế hoạch học tập phù hợp trong suốt 4 năm đại học. Ngoài ra, môn học còn hướng dẫn sinh viên các kỹ năng học tập, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cần thiết để học tập và làm việc hiệu quả hơn.

Giải phẫu: 4 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức về đặc điểm giải phẫu, cấu tạo chức năng của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người, liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu và những môn học điều dưỡng lâm sàng.

Sinh lý: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mỗi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng.

Sinh lý bệnh – miễn dịch: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng phòng chống bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch. Môn học cũng cung cấp kiến thức cơ bản về qui luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh và các quá trình bệnh lý điển hình. Vận dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng, chăm sóc bệnh nhân và nghiên cứu khoa học.

Hóa sinh: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh học bao gồm: Các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh hoạt và chuyển hóa năng lượng. Quan sát thực hiện và hiểu được ý nghĩa của một số xét nghiệm cơ bản về hóa sinh lâm sàng. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

Vi sinh – ký sinh trùng: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm vi sinh vật học cơ bản: hình thể, bắt màu, nuôi cấy, gây bệnh, miễn dịch, mối tương tác giữa vi sinh – cơ thể con người, môi trường, chi phối sự gây bệnh và chẩn đoán vi sinh. Giới thiệu một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. Thực hiện lấy bệnh phẩm, làm tiêu bản trực tiếp và nhận định kết quả một số xét nghiệm vi sinh vật thông thường. Cung cấp những kiến thức về đặc điểm hình thể, sinh lí, sinh thái, ký sinh, cấu tạo cơ quan và chu kỳ phát triển của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh hay gặp cho người Việt Nam. Đặc điểm bệnh học, dịch tễ học và tác hại do ký sinh trùng gây nên.

Dược lý điều dưỡng: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể. Trình bày tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng thuốc thông dụng, nhận

biết được hình dạng, tính chất, tác dụng thuốc cơ bản tại phòng thực tập, vận dụng những kiến thức hiểu biết về thuốc về việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh, hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

Dịch tễ học: 1 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; mô tả và phân tích được những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng; nguyên tắc điều tra và kiểm soát một dịch vụ. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá đáng tin cậy và giá trị của các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

Dinh dưỡng - tiết chế: 1 tín chỉ

Nội dung: Dinh dưỡng tiết chế là môn học nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và con người. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

Y học cổ truyền: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền dân tộc, các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng y học cổ truyền dân tộc, cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc) Nội dung của chương trình đào tạo đại học điều dưỡng về Y học cổ truyền nhằm giúp cho người điều dưỡng có trình độ chăm sóc người bệnh toàn diện không những về y học hiện đại mà còn phải biết kết hợp với Y học cổ truyền.

Sức khỏe và môi trường: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện và các kỹ năng nâng cao sức khỏe. Vệ sinh môi trường là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những tác động qua lại hữu cơ giữa môi trường với sức khỏe trong thực tiễn cuộc sống con người, đề xuất những giải pháp hoặc biện pháp can thiệp về pháp luật, quản lý, khoa học công nghệ trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau để giải quyết những tác động nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để có thể triển khai nghiên cứu điều dưỡng một cách đúng đắn. Rèn luyện kỹ năng tra cứu tài liệu khoa học, phân tích thực trạng, phân tích và xử lý số liệu, xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng công cụ thu thập số liệu, kế hoạch triển khai đề tài nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu khoa học. Rèn luyện đức tính nghiêm túc trong nghiên cứu.

Anh văn chuyên ngành: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vốn từ vựng, ngữ pháp, văn phạm tiếng Anh trong các tài liệu chuyên môn y tế. Nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ tiếng Anh chuyên ngành, có thể thực hiện được giao tiếp thông thường và có thể tham khảo tài liệu nước ngoài bằng tiếng Anh trên mạng hoặc không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật thông tin điều dưỡng, áp dụng được những tiến bộ về kỹ thuật chăm sóc người bệnh vào công việc hằng ngày của người điều dưỡng.

Tiếng Đức chuyên ngành điều dưỡng: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vốn từ vựng, ngữ pháp, văn phạm tiếng Đức trong các tài liệu chuyên môn y tế. Nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ tiếng Đức chuyên ngành, có thể thực hiện được giao tiếp thông thường và có thể tham khảo tài liệu nước ngoài bằng tiếng Đức trên mạng hoặc không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật thông tin điều dưỡng, áp dụng được những tiến bộ về kỹ thuật chăm sóc người bệnh vào công việc hằng ngày của người điều dưỡng.

Tiếng Nhật chuyên ngành điều dưỡng 1 : 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vốn từ vựng, ngữ pháp, văn phạm tiếng Nhật trong các tài liệu chuyên môn y tế. Nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ tiếng Nhật chuyên ngành, có thể thực hiện được giao tiếp thông thường và có thể tham khảo tài liệu nước ngoài bằng tiếng Nhật trên mạng hoặc không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật thông tin điều dưỡng, áp dụng được những tiến bộ về kỹ thuật chăm sóc người bệnh vào công việc hằng ngày của người điều dưỡng.

Tiếng Nhật chuyên ngành điều dưỡng 2 : 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao về vốn từ vựng, ngữ pháp, văn phạm tiếng Nhật trong các tài liệu chuyên môn y tế. Nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ tiếng Nhật chuyên ngành, có thể thực hiện được giao tiếp thông thường và có thể tham khảo tài liệu nước ngoài bằng tiếng Nhật trên mạng hoặc không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật thông tin điều dưỡng, áp dụng được những tiến bộ về kỹ thuật chăm sóc người bệnh vào công việc hằng ngày của người điều dưỡng.

Điều dưỡng cơ bản 1: 5 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, lý luận cơ bản về khoa học điều dưỡng: lịch sử điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức nghề nghiệp, định hướng phát triển, các học thuyết và triết lý điều dưỡng, qui trình

điều dưỡng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật chăm sóc người bệnh bị các bệnh thông thường, chăm sóc dinh dưỡng, đề phòng bệnh tật. Rèn luyện kỹ năng, thái độ, tác phong và ý thức, trách nhiệm phục vụ người bệnh.

Điều dưỡng cơ bản 2: 5 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên biệt nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người điều dưỡng, giúp cho người điều dưỡng có thể chăm sóc được cho người bệnh trong các trạng thái bệnh lý phức tạp khác nhau; Tổ chức chăm sóc người bệnh và phát triển chiến lược thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng. Rèn luyện kỹ năng hợp tác với bác sĩ, kỹ năng xử lý các tai biến do thuốc và thực hiện tốt việc chăm sóc người bệnh.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về các bệnh nội khoa thuộc hệ hô hấp, tim mạch và cách điều trị. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa cho các bệnh nhân bị bệnh về hô hấp, tim mạch. Biết lập và thực hiện các kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh về hô hấp, tim mạch.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về các bệnh nội khoa thường gặp, các kỹ thuật chăm sóc người bệnh nội khoa. Thực hiện các kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa cũng như có thái độ đúng đắn trong chăm sóc người bệnh.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về các bệnh về hệ tiêu hóa và một số bệnh nội khoa chuyên biệt cũng như cách điều trị các bệnh về tiêu hóa và nội khoa chuyên biệt. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc các bệnh nội khoa về tiêu hóa và nội khoa chuyên biệt. Lập và thực hiện các kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh tiêu hóa và nội khoa chuyên biệt.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về các bệnh nội khoa thường gặp, các kỹ thuật chăm sóc người bệnh nội khoa. Thực hiện các kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa cũng như có thái độ đúng đắn trong chăm sóc người bệnh.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh Ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa; qua đó giúp cho sinh viên liên hệ được những kiến thức lý thuyết về các bệnh ngoại khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp họ tự tin, thận trọng và xử lý đúng trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn bị bệnh ngoại khoa nói chung và người bệnh ngoại khoa tiêu hóa nói riêng; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh ngoại khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản điển hình.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh Ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa; qua đó giúp cho sinh viên liên hệ được những kiến thức lý thuyết về các bệnh ngoại khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp họ tự tin, thận trọng và xử lý đúng trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Bổ sung và hoàn thiện cho sinh viên các kỹ năng chăm sóc toàn diện người lớn bị các bệnh lý thuộc các lĩnh vực ngoại khoa, giúp họ tự tin giải quyết đúng đắn các tình huống lâm sàng phức tạp, chuyên sâu, điển hình và không điển hình cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa.

Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ; giai đoạn trước – trong và sau khi sinh; Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ, các vấn đề sức khỏe phụ nữ, giai đoạn trước trong và sau đẻ. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh). Giúp cho sinh viên tiếp cận với các sản phụ, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho sản phụ, giúp cho sinh viên tự tin, thận trọng và xử lý đúng trong khi chăm sóc sản phụ ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ; giai đoạn trước – trong và sau khi sinh; Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với các sản phụ, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho sản phụ; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh sản phụ khoa thường gặp với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc sản phụ ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình và nâng cao.

Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm sinh lý và bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em, biết được chế độ nuôi dưỡng, cách chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh cho trẻ em.

Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng trên bệnh nhân nhi Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nhi Giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ.

Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm sinh lý và bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em, biết được chế độ nuôi dưỡng, cách chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh cho trẻ em.

Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng trên bệnh nhân nhi Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nhi. Trục bệnh viện, báo cáo kíp trực. Giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ.

Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên môn về các bệnh truyền nhiễm: nguyên nhân, đường lây truyền, cách phòng ngừa, chẩn đoán, kế hoạch và nội dung cần chăm sóc, cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại khoa truyền nhiễm.

Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng trên bệnh nhân nhiễm Giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân nhiễm Tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh.

Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên môn về các bệnh truyền nhiễm: nguyên nhân, đường lây truyền, cách phòng ngừa, chẩn đoán, kế hoạch và nội dung cần chăm sóc, cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại khoa truyền nhiễm.

Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng trên bệnh nhân nhiễm Giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân nhiễm Tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh.

Chăm sóc sức khỏe cộng đồng: 2 tín chỉ

Nội dung: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chuẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng); Cách xác định tình trạng của sức khỏe cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc sức khỏe cộng đồng); Nâng cao kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành công việc khám chữa bệnh, quản lý bệnh tật của trạm y tế xã/ phường.

Chăm sóc sức khỏe cộng đồng – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán về sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình hay của một cộng đồng); Cách xác định tình trạng sức khỏe của cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng); Nâng cao kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành công việc khám chữa bệnh, quản lý bệnh tật của trạm y tế xã/ phường.

Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương về chăm sóc các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và đặc biệt; Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh); Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: đột quỵ, hôn mê, co giật, ngộ độc...(lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

Chăm sóc hồi sức cấp 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu thông thường, nguy kịch và đặc biệt.

Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản:Đ ại cương về chăm sóc các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và đặc biệt; Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh); Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: đột quỵ, hôn mê, co giật, ngộ độc...(lập kế hoạch và thực hành chăm sóc nười bệnh).

Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những thay đổi trong cấu tạo, giải phẫu, sinh lý và bệnh tật ở người cao tuổi.Phân tích và giải thích được những thay đổi về cấu trúc và chức năng của các cơ quan, hệ thống trong cơ thể người cao tuổi.Nêu được vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Chăm sóc khỏe khỏe người cao tuổi 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về một số bệnh nhiễm trùng, ung thư và bệnh ngoài da thường gặp ở người cao tuổi.Nêu được vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh nhiễm trùng, ung thư, ngoài da thường gặp ở người cao tuổi.Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 – Thực hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về một số bệnh nhiễm trùng, ung thư và bệnh ngoài da thường gặp ở người cao tuổi.Nêu được vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Chăm sóc sức khỏe tâm thần: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về các triệu chứng của bệnh tâm thần. Những vấn đề cần chăm sóc điều dưỡng trong quá trình điều trị bệnh tâm thần. Biết cách quản lý, theo dõi và có biện pháp hỗ trợ tốt cho người bệnh tâm thần trong quá trình điều trị ngoại trú. Biết cách tư vấn cho người bệnh tâm thần hoặc người nhà người bệnh. Môn học này còn cung cấp kiến thức giúp lập một kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tâm thần.

Chăm sóc phục hồi chức năng: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về : Địa cương về phục hồi chức năng; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng; Xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến (lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chăm sóc). Rèn luyện kỹ năng chăm sóc phục hồi sức khỏe cho người bệnh mãn tính, rèn luyện đức tính kiên trì, nhẫn nại trong chăm sóc phục hồi sức khỏe.

Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng: 1 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời và không bằng lời khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó tự hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về giao tiếp với bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp, các khái niệm và phân cấp giáo dục sức khỏe trong nhân dân, bệnh viện và người bệnh mãn tính. Giới thiệu các phương pháp, phương tiện áp dụng trong giáo dục sức khỏe phù hợp với đối tượng. Lập kế hoạch và thực hiện việc tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng và ứng dụng kiến thức được học để giáo dục cho bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân và người thân của mình. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời và không lời khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để lập mối quan hệ giữa NB và NVYT, lấy NB là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng: 2 tín chỉ

Nội dung: môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương. Hệ thống tổ chức quản lý ngành điều dưỡng, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó. Môn học còn cung cấp cho SV điều dưỡng những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý và ứng dụng của nó trong hoạt động quản lý ngành y tế và ngành điều dưỡng, khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý,... vai trò của người điều dưỡng trong đội chăm sóc người bệnh, những khái niệm, chức năng, nhiệm vụ trong việc thực hành chăm sóc. Vai trò của các tổ chức nghề nghiệp như Hội Điều dưỡng Việt nam, Hội Điều dưỡng quốc tế.

Thực tập tốt nghiệp: 5 tín chỉ

Nội dung: Đợt thực tập tốt nghiệp vào cuối khóa học, trước khi làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp; giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện.

Khoá luận tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để có thể triển khai nghiên cứu điều dưỡng một cách đúng đắn. Rèn luyện kỹ năng tra cứu tài liệu khoa học, phân tích thực trạng, phân tích và xử lý số liệu, xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng công cụ thu thập số liệu, kế hoạch triển khai đề tài

nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu khoa học. Rèn luyện đức tính nghiêm túc trong nghiên cứu.

Đồ án chuyên ngành Điều dưỡng: 3 tín chỉ

Nội dung: Giúp cho sinh viên hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập thực hiện kế hoạch chăm sóc bệnh nhân từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện.

Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 – TH: 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn bị bệnh ngoại khoa; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh ngoại khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp học tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản điển hình.

Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 – TH: 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn bị bệnh nội khoa; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh nội khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp học tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc người bệnh nội khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản điển hình và nâng cao.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÁ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y dược TPHCM	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 155 tín chỉ (Không tính GDTC và GDQP) Đối với CTĐT Tiếng Nhật: 158 tín chỉ (Không tính GDTC và GDQP)	143 tín chỉ	141 tín chỉ	Tổng tín chỉ trong CTĐT của trường ĐH NTT cao hơn; Phân bổ tín chỉ của CTĐT giữa có sự tương đồng
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
- Học phần đại cương	24 môn/47 tín chỉ	11/26 tín chỉ	18/42 tín chỉ	
- Học phần cơ sở ngành	15 môn/30 tín chỉ	11/24 tín chỉ	13/31 tín chỉ	
- Học phần chuyên ngành	Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 36 môn/66 tín chỉ Đối với CTĐT Tiếng Nhật: 37 môn/69 tín chỉ 2 môn/12 tín chỉ	26/69 tín chỉ	24/64 tín chỉ	
- Học phần tốt nghiệp		4/12 tín chỉ	1/4 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không	Không	Không	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện	Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện	Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện	
Học phí	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	Tùy vào chính

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y dược TPHCM	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Nhận xét
				sách của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy:

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ban hành kèm theo Quyết định số 859/QĐ-NTT ngày 26/7/2021 của Hiệu trưởng Nhà trường.

Đối với đơn vị đào tạo:

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng kí các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch

Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá:

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.
- Phải tổ chức thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá học phần để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Giảng viên phải thực hiện đúng quy chế của học chế tín chỉ.
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

HIỆU TRƯỞNG *du*

(Ký tên và đóng dấu) *du*



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Chau

TS.ĐD. Trần Thị Châu

